

Cao Bằng, ngày 05 tháng 7 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)
Phần A.VII - Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: 18/6/2022

| STT | Họ và tên | Điểm | | STT | Họ và tên | Điểm | |
|-----|----------------------|------|------------------|-----|---------------------|------|------------------|
| | | Số | Bảng chữ | | | Số | Bảng chữ |
| 1 | Đoàn Thị Vân Anh | 7,00 | Bảy | 41 | Nông Thị Huyền My | 7,00 | Bảy |
| 2 | Hoàng Thị Chao | 7,50 | Bảy phẩy năm | 42 | Nguyễn Thị Huyền My | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 3 | Lôi Thị Chao | 7,50 | Bảy phẩy năm | 43 | Lý Thị Mùi | 6,25 | Sáu phẩy hai năm |
| 4 | Trần Huệ Chi | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 44 | Lục Thị Bích Ngọc | 7,00 | Bảy |
| 5 | Đàm Quang Chiến | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 45 | Nông Thị Ngâm | 7,00 | Bảy |
| 6 | Hoàng Ngọc Diệp | 7,00 | Bảy | 46 | Dương Thị Nghiệp | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm |
| 7 | Đàm Đức Dũng | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm | 47 | Nguyễn Thị Nhã | 6,50 | Sáu phẩy năm |
| 8 | Phạm Ngọc Diệp | 6,50 | Sáu phẩy năm | 48 | Nguyễn Tuyết Nhung | 8,00 | Tám |
| 9 | Nguyễn Minh Đoàn | 6,50 | Sáu phẩy năm | 49 | Ma Thị Oanh | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 10 | Lã Thị Giang | 7,50 | Bảy phẩy năm | 50 | Lý Thị Phúc | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 11 | Đình Văn Giáp | 7,00 | Bảy | 51 | Ngô Thị Phượng | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 12 | Nông Thị Ngân Hà | 7,00 | Bảy | 52 | Hoàng Hải Quý | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 13 | Hoàng Thị Thanh Hà | 7,00 | Bảy | 53 | Phùng Thị Quỳnh | 7,25 | Bảy phẩy hai năm |
| 14 | Nông Thị Thúy Hằng | 7,00 | Bảy | 54 | Nông Công Sỹ | 7,00 | Bảy |
| 15 | Nông Thị Hằng | 8,00 | Tám | 55 | Phạm Thị Tài | 6,00 | Sáu |
| 16 | Vũ Thị Hằng | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 56 | Chu Văn Tình | 6,00 | Sáu |
| 17 | Đỗ Thị Hằng | 8,00 | Tám | 57 | Lục Toàn Thắng | 7,00 | Bảy |
| 18 | Lâm Thị Hiền | 7,00 | Bảy | 58 | Nông Quốc Thắng | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 19 | Hoàng Thị Thu Hiền | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 59 | Nguyễn Thị Thuận | 8,00 | Tám |
| 20 | Lục Minh Hiền | 7,00 | Bảy | 60 | Lục Xuân Trường | 6,00 | Sáu |
| 21 | Nguyễn Thị Thanh Hoa | 7,50 | Bảy phẩy năm | 61 | Phạm Thị Minh Thoa | 6,50 | Sáu phẩy năm |
| 22 | Hoàng Thị Hoan | 7,50 | Bảy phẩy năm | 62 | Mã Thị Thu | 6,50 | Sáu phẩy năm |
| 23 | Nông Thị Hồng | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 63 | La Thị Minh Thứ | 7,25 | Bảy phẩy hai năm |
| 24 | Vũ Thị Hồng | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm | 64 | Lại Thị Minh Thúy | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 25 | Đông Thanh Huệ | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 65 | Nông Bích Thủy | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 26 | Ngân Thị Hương | 7,00 | Bảy | 66 | Bé Thị Thanh Thủy | 8,00 | Tám |

ĐHT

| STT | Họ và tên | Điểm | | STT | Họ và tên | Điểm | |
|-----|--------------------|------|------------------|-----|----------------------|------|------------------|
| | | Số | Bảng chữ | | | Số | Bảng chữ |
| 27 | Vũ Thị Lan Hương | 7,50 | Bảy phẩy năm | 67 | Lăng Thị Thùy | 7,00 | Bảy |
| 28 | Phạm Thị Lan Hương | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 68 | Nguyễn Thị Thu Trang | 8,00 | Tám |
| 29 | Nông Thu Hương | 7,00 | Bảy | 69 | Phan Thị Thu Trang | 8,00 | Tám |
| 30 | Lý Ánh Hường | 7,50 | Bảy phẩy năm | 70 | Lương Quang Tuấn | 8,00 | Tám |
| 31 | Lục Đức Khánh | | <i>Hoãn thi</i> | 71 | Nguyễn Thị Tuyền | 7,00 | Bảy |
| 32 | Lục Thị Kiều | 6,50 | Sáu phẩy năm | 72 | Nông Thị Tuyết | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 33 | Lục Thị Phương Lan | 7,50 | Bảy phẩy năm | 73 | Bé Xuân Vinh | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 34 | Nông Thị Diệu Linh | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 74 | Hoàng Trường Vương | 7,50 | Bảy phẩy năm |
| 35 | Phan Khánh Linh | 8,00 | Tám | 75 | Hoàng Thị Kiều Xuân | 7,25 | Bảy phẩy hai năm |
| 36 | Phan Thị Liên | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 76 | Nguyễn Hải Yến | 7,25 | Bảy phẩy hai năm |
| 37 | Hoàng Thị Liên | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 77 | Đàm Thị Yến | 7,00 | Bảy |
| 38 | Nông Thị Thúy Lưu | 7,50 | Bảy phẩy năm | 78 | Trần Thị Bạch Yến | 7,00 | Bảy |
| 39 | Đinh Thị Lụa | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 79 | Lương Thị Hải Yến | 7,00 | Bảy |
| 40 | Hà Vũ Mạnh | 6,00 | Sáu | | | | |

Điểm 6,00: 04 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 06 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 20 điểm; Điểm 7,25: 10 điểm; Điểm 7,50: 17 điểm; Điểm 7,75: 08 điểm; Điểm 8,00: 09 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
K/T TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

ĐHL

Nguyễn Dũng



Đoàn Thị Kim Liên

Nông Văn Dũng

Trịnh Thị Ánh Hoa